

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2020
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Nga.

2. Ông Trần Văn Dá.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2020/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Đồng Thị Kim P (Đồng Kim P)**, sinh năm 1969 (vắng mặt – có đơn).

HKTT: Ấp T, xã C, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở: Ấp D, xã C, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thanh T trình bày:

Năm 1988, ông và bà P tự nguyện chung sống với nhau, không đăng ký kết

hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 người con chung tên Nguyễn Danh L, sinh ngày 09/10/1990 (đã có gia đình riêng) và Nguyễn Thế V, sinh ngày 03/9/2002. Sau đó do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, con chung Thế V đang sống chung với ông. Ông yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa ông và bà P là vợ chồng. Về con chung đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Đồng Thị Kim P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, quá trình giải quyết có ý kiến trình bày:

Bà đồng ý về quan hệ vợ chồng với ông T không đăng ký kết hôn, thống nhất yêu cầu của ông T về không công nhận vợ chồng. Đối với con chung đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên nhận định theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ của bà P và ông T là nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, tuyên không công nhận quan hệ giữa ông T và bà P là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thực hiện tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nguyên đơn và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của nguyên đơn và Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo ông T và bà P trình bày thì hôn nhân của hai người được xác lập dựa trên cơ sở gia đình tổ chức lễ cưới rồi về chung sống với nhau từ năm 1988, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau thời gian dài chung sống, đến khoảng năm 2018 giữa các đương sự không còn tìm được tiếng nói chung và thường xuyên cự cãi làm cho đời sống chung không hạnh phúc. Trình bày của các đương sự phù hợp nội dung xác nhận tại Giấy xác nhận số 77/GXN-UBND

ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng là các đương sự chung sống với nhau không đăng ký kết hôn. Từ cơ sở trên có căn cứ xác định thời điểm về chung sống với nhau giữa bà P và ông T không tiến hành đăng ký kết hôn và cũng không đăng ký kết hôn lại theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình 2000. Xét thấy, tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; ...*”. Như vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các quy định nêu trên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông T và bà P là vợ chồng.

[3] Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[5] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trị là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Thanh T và bà Đồng Thị Kim P là vợ chồng.

- Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T phải chịu tiền

án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003105 ngày 22/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, ông T đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- UBND xã C, huyện Thanh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Mai